

Số 2818 -QĐ/HVBCTT-ĐT

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ

Căn cứ Quyết định số 56-QĐ/HVCTQG ngày 10/01/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07/07/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 5268/2026/TT-BGDĐT-GDQPAN ngày 20/08/2026 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh; quốc phòng, quân sự; phòng, chống khủng bố; phòng thủ dân sự năm học 2026 - 2027 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Điều 3. Trưởng ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, Trưởng các Khoa/Viện đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và các sinh viên trình độ đại học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Học viện CTQG HCM (b/c),
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c),
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như Điều 3,
- Lưu VT, ĐT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Sơn

QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC THEO TÍN CHỈ

(Ban hành kèm theo Quyết định số -QĐ/HVBCTT-ĐT
ngày / / của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (sau đây gọi tắt là Học viện), bao gồm: chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức và phương thức đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; một số quy định về quá trình học tập đối với sinh viên của Học viện.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, các tổ chức, cá nhân liên quan trong đào tạo trình độ đại học của Học viện.

Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

1. Chương trình đào tạo được áp dụng thống nhất đối với các hình thức đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng sinh viên. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần), trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp đào tạo song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo thể hiện rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành.

2. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành đào tạo khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

3. Chương trình đào tạo được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho sinh viên.

4. Chương trình đào tạo trình độ đại học của Học viện có khối lượng từ 120 đến 130 tín chỉ (tùy theo từng ngành/chương trình đào tạo), không bao

gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh.

5. Thời gian học tập

a. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn, thời gian tối đa và tối thiểu

TT	Trình độ, hình thức đào tạo		Thời gian đào tạo		
			Thời gian đào tạo chuẩn	Thời gian đào tạo tối đa	Thời gian đào tạo tối thiểu
1	Văn bằng thứ nhất	Chính quy	4 năm	8 năm	3 năm
		Thường xuyên	5 năm	10 năm	3,5 năm
2	Văn bằng thứ hai	Chính quy	2 năm	4 năm	1,5 năm
		Thường xuyên	2,5 năm	5 năm	2 năm

b. Đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành đào tạo khác đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa và tối thiểu để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian hoàn thành kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ.

Điều 3. Hình thức, phương thức tổ chức đào tạo

1. Học viện tổ chức đào tạo theo tín chỉ, áp dụng thống nhất cho tất cả các khóa và phương thức đào tạo, cụ thể như sau:

a. Tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Học viện;

b. Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c. Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn tương đương khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

2. Đào tạo chính quy được quy định như sau:

a. Hoạt động giảng dạy có sự hiện diện đồng thời, tương tác trực tiếp giữa giảng viên và sinh viên, được tổ chức tập trung tại cơ sở đào tạo trong khung giờ ban ngày chiếm tối thiểu 70% tổng khối lượng của chương trình đào tạo; phần thực hiện hoạt động thực hành ngoài trường, nghiên cứu thực tế, các hoạt động khác; phần được thực hiện tại cơ sở phối hợp liên kết đào tạo trong nước (nếu có) và phần được công nhận, chuyển đổi tín chỉ cộng lại không làm cho khối lượng thực học trực tiếp tại cơ sở thấp hơn tỷ lệ nêu trên.

b. Sinh viên theo học tập trung toàn thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa và thời khóa biểu do Học viện bố trí.

c. Đào tạo chính quy thực hiện phương thức tổ chức đào tạo trực tiếp. Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Học viện, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế có thể thực hiện ngoài Học viện;

3. Đào tạo thường xuyên:

a. Được tổ chức theo thời gian linh hoạt tại các địa điểm đào tạo đáp ứng điều kiện bảo đảm chất lượng và được cấp phép hoạt động. Các hoạt động đào tạo được thực hiện tại cơ sở đào tạo hoặc cơ sở phối hợp đào tạo theo quy định của Quy chế này; hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và đào tạo theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa có thể được tổ chức tại địa điểm khác theo quy định của Học viện.

b. Đào tạo thường xuyên có thể thực hiện một hoặc đồng thời các phương thức tổ chức đào tạo gồm: trực tiếp, từ xa; kết hợp giữa trực tiếp và từ xa.

c. Phương thức tổ chức đào tạo từ xa phải đáp ứng các yêu cầu về việc ứng dụng công nghệ trong giáo dục đại học và các yêu cầu sau đây:

- Học viện có hệ thống tổ chức đào tạo từ xa bao gồm quy chế quản lý, bộ phận quản lý, đội ngũ giảng viên và nhân sự hỗ trợ, hệ thống quản lý học tập (LMS), hệ thống kiểm tra, đánh giá, hạ tầng kỹ thuật và thư viện số đáp ứng yêu cầu tổ chức đào tạo;

- Hoạt động phương thức tổ chức đào tạo từ xa phải có hệ thống quản lý học tập, học liệu số, cơ chế xác thực danh tính sinh viên, cơ chế theo dõi tiến độ học tập, lưu trữ dữ liệu giảng dạy - học tập - đánh giá, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an toàn thông tin, liên chính học thuật và hỗ trợ kỹ thuật, học thuật cho sinh viên;

- Giáo trình, học liệu, bài giảng điện tử, kế hoạch học tập, dữ liệu về hoạt động giảng dạy, học tập và kết quả đánh giá của sinh viên được quản lý, lưu trữ trên hệ thống quản lý học tập (LMS) theo quy định của pháp luật

4. Học viện công khai trên cổng thông tin điện tử của Học viện trước khi tuyển sinh. Nội dung công bố tối thiểu gồm: hình thức đào tạo; phương thức tổ chức đào tạo; trường hợp là chương trình thực hiện phương thức tổ chức đào tạo từ xa thì phải công bố tỷ lệ thời lượng giảng dạy được tổ chức theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa; kế hoạch thực hiện chương trình đào tạo; danh mục học liệu chính, học liệu bổ trợ cho từng học phần; phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá; các điều kiện bảo đảm chất lượng phục vụ tổ chức đào tạo.

5. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Học viện thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 4: Hình thức, thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy và học tập, tín chỉ, giờ chuẩn giảng dạy, học phần

1. Hình thức tổ chức hoạt động giảng dạy và học tập

a. Lý thuyết: Đối với đào tạo chính quy, sinh viên học tập qua bài giảng trực tiếp của giảng viên, được tổ chức tập trung tại Học viện. Đối với đào tạo thường xuyên, thực hiện theo điểm b, khoản 2, Điều 3 và theo Kế hoạch giảng dạy do Học viện bố trí.

b. Thực hành: Sinh viên học tập qua thực hành, thực tế, thực tập, làm bài tập, thảo luận, đọc và nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Giờ thực hành có thể tổ chức tại trường, ngoài trường nhưng phải đảm bảo tỷ lệ quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 3.

c. Tự học: Sinh viên tự học tập, nghiên cứu theo kế hoạch, nội dung do giảng viên giao, hướng dẫn và được kiểm tra, đánh giá.

2. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy và học tập:

Buổi	Tiết	Từ	Đến
SÁNG	1	7h00	7h50
	2	7h55	8h45
	3	8h50	9h40
	4	9h50	10h40
	5	10h45	11h35
CHIỀU	6	13h00	13h50
	7	13h55	14h45
	8	14h50	15h40
	9	15h50	16h40
	10	16h45	17h35
TỐI	11	17h45	18h35
	12	18h40	19h30
	13	19h35	20h25

Thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định cụ thể của Học viện.

3. Tín chỉ là đơn vị dùng để lượng hóa khối lượng học tập của người học, trong đó:

a. Một tín chỉ tương đương từ 45 - 50 giờ học tập của người học được tính theo đơn vị 60 phút, bao gồm thời gian học trực tiếp, thực hành, thí nghiệm, thực tập, tự học có hướng dẫn, các hình thức học tập khác và kiểm tra đánh giá.

b. Đối với hoạt động giảng dạy trực tiếp theo lớp học, 1 tín chỉ yêu cầu tối thiểu 15 giờ giảng dạy trực tiếp hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận, trong đó một giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp được thực hiện trong thời lượng 50 phút.

4. Giờ tín chỉ là đơn vị đo thời lượng học tập của sinh viên, được phân thành ba loại theo các hình thức dạy học và được xác định như sau:

a. Một giờ tín chỉ lý thuyết bằng 01 tiết lý thuyết; để tiếp thu được 1 giờ tín chỉ lý thuyết sinh viên phải dành ít nhất 2 tiết chuẩn bị cá nhân.

b. Một giờ tín chỉ thực hành bằng 2 - 3 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 3 - 6 tiết thực tập tại cơ sở; 3 - 4 tiết làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc tác phẩm tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp; để tiếp thu được 1 giờ tín chỉ thực hành sinh viên phải dành ít nhất 2 tiết chuẩn bị cá nhân.

c. Một giờ tín chỉ tự học bắt buộc bằng 3 tiết tự học bắt buộc, có hướng dẫn và được kiểm tra đánh giá.

Điều 5. Học phần

1. Học phần hoặc môn học là đơn vị học tập cấu thành cấu trúc chương trình đào tạo, được thiết kế với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá; có khối lượng học tập xác định và được lượng hóa bằng số lượng tín chỉ. Một học phần thông thường được tổ chức giảng dạy, học tập trong một học kỳ.

2. Một học phần xây dựng kết hợp lý thuyết, thực hành, tự học có hướng dẫn và hoạt động khác.

3. Mỗi học phần trong chương trình đào tạo của Học viện có khối lượng từ 2 đến 5 tín chỉ, một số học phần đặc thù có thể nhiều hoặc ít hơn số tín chỉ trên.

4. Đề cương chi tiết học phần phản ánh số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần; nội dung lý thuyết và thảo luận/thực hành, phương pháp giảng dạy, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo, nội dung ôn tập, thảo luận, chủ đề tiểu luận và điều kiện thực hành, thực tập phục vụ học phần (nếu có).

5. Các loại học phần

a. Học phần bắt buộc: là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

b. Học phần tự chọn: là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Học viện nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định của mỗi chương trình.

c. Học phần tương đương: là một hay một nhóm học phần thuộc chương trình đào tạo của một khóa, ngành khác đang tổ chức đào tạo tại Học viện hoặc trường khác, được phép tích lũy để thay cho một hay một nhóm học phần trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo. Học phần tương đương phải có nội dung giống ít nhất 75% và có số tín chỉ tương đương hoặc nhiều hơn so với học phần xem xét.

d. Học phần thay thế: là học phần được sử dụng thay thế cho một học phần có trong chương trình đào tạo khóa trước nhưng khóa sau không còn tổ chức giảng dạy, hoặc là một học phần tự chọn thay cho một học phần tự chọn khác mà sinh viên học nhưng không đạt (điểm F). Học phần thay thế còn áp dụng cho những trường hợp: cùng một học phần nhưng số tín chỉ của học phần ở khóa sau khác với khóa trước.

e. Học phần tích lũy: Là học phần đã được đánh giá đạt theo thang điểm chữ A, B, C, D. Tổng số tín chỉ của các học phần này tính từ lúc bắt đầu khóa học đến thời điểm xét, gọi là khối lượng kiến thức tích lũy.

Điều 6. Liên kết đào tạo

1. Liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước

a. Học viện liên kết đào tạo trình độ đại học với cơ sở đào tạo được cấp phép hoạt động giáo dục đại học.

b. Số lượng tuyển sinh của các chương trình, ngành liên kết đào tạo được tính vào số lượng tuyển sinh của mỗi cơ sở đào tạo theo tỷ lệ giảng viên tham gia của mỗi bên.

c. Các yêu cầu tối thiểu đối với Học viện để thực hiện liên kết đào tạo:

- Bảo đảm đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy chương trình liên kết chiếm tối thiểu 50% khối lượng học tập, không bao gồm khối lượng chương trình giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh;

- Đã ban hành quy định về liên kết và thẩm định các yêu cầu bảo đảm chất lượng của cơ sở phối hợp đào tạo và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định.

d. Trách nhiệm của Học viện và cơ sở liên kết đào tạo:

- Học viện chịu trách nhiệm về chất lượng và quản lý chất lượng đào tạo, cùng cơ sở phối hợp đào tạo thực hiện nội dung đã thỏa thuận phù hợp với các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan và

thông báo cho ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo ngay sau khi tuyển sinh; nếu cơ sở phối hợp đào tạo không đáp ứng được các yêu cầu về bảo đảm chất lượng theo quy định của học phần hoặc của chương trình đào tạo thì phải chuyển sinh viên về Học viện để tiếp tục đào tạo theo quy định và bảo đảm quyền lợi cho sinh viên;

- Học viện và cơ sở phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm ký kết hợp đồng liên kết đào tạo, thỏa thuận cụ thể về quyền và trách nhiệm của các bên trong việc phối hợp tổ chức thực hiện, quản lý quá trình dạy học bảo đảm chất lượng đào tạo và thực hiện nội dung đã thỏa thuận phù hợp với các quy định của Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan;

e. Cơ sở phối hợp đào tạo có trách nhiệm cùng Học viện bảo đảm đủ điều kiện cơ sở vật chất thực hiện đào tạo; tham gia quản lý, giảng dạy, theo thỏa thuận giữa hai bên;

g. Học viện và cơ sở phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện hợp đồng liên kết đào tạo; thực hiện các quy chế về tuyển sinh, đào tạo;

h. Học viện và cơ sở phối hợp đào tạo bảo đảm không để gián đoạn học tập của sinh viên và bồi hoàn chi phí phát sinh nếu dừng tổ chức đào tạo;

i. Trường hợp tạm dừng, chấm dứt đào tạo phải công bố và thực hiện phương án bảo đảm mọi quyền lợi cho sinh viên (kế hoạch học tiếp, chuyển chương trình, tín chỉ, học phí, tốt nghiệp...).

2. Liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài

Việc liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và đáp ứng các yêu cầu sau:

a. Trường nước ngoài phải là cơ sở đào tạo hoạt động hợp pháp, có tư cách pháp nhân tại nước sở tại và được phép đào tạo, cấp bằng từ trình độ đại học trở lên.

b. Trường nước ngoài phải được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng có thẩm quyền ở nước sở tại công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng (hoặc được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận).

c. Chương trình liên kết đào tạo phải là chương trình đã được triển khai đào tạo trực tiếp tại trụ sở chính của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài.

d. Chuẩn đầu vào và đầu ra của chương trình liên kết đào tạo không được thấp hơn chuẩn của chương trình đào tạo tương ứng tại Việt Nam.

e. Văn bằng do trường nước ngoài cấp cho sinh viên học tại Việt Nam phải tương đương hoàn toàn (về hình thức, giá trị pháp lý, cơ hội học lên cao)

với văn bằng cấp tại trụ sở chính, không được có sự phân biệt đối xử về địa điểm học.

g. Giảng viên của trường đại học nước ngoài tham gia giảng dạy ít nhất 25% tổng khối lượng của chương trình liên kết đào tạo, phải có trình độ từ thạc sĩ trở lên, có học hàm, học vị phù hợp quy định và năng lực ngoại ngữ đáp ứng điều kiện truyền tải chương trình.

h. Số lượng tuyển sinh của chương trình liên kết đào tạo được tính vào tổng số lượng tuyển sinh của mỗi cơ sở đào tạo theo tỷ lệ giảng viên tham gia của mỗi bên.

i. Học viện chịu trách nhiệm trước pháp luật và theo thỏa thuận liên kết về việc tổ chức tuyển sinh, đào tạo, đánh giá kết quả học tập, cấp văn bằng, quản lý người học và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người học, giảng viên trong suốt quá trình tổ chức đào tạo.

Chương II

KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 7. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Kế hoạch giảng dạy và học tập được xây dựng theo năm học, theo học kỳ đảm bảo phù hợp với hình thức, phương thức đào tạo và hình thức tổ chức hoạt động giảng dạy và học tập.

2. Kế hoạch năm học bắt đầu từ tháng 8 năm trước và kết thúc vào tháng 6 năm sau. Mỗi năm, Học viện tổ chức 02 hoặc 03 học kỳ chính với tổng số tối thiểu học trên lớp là 30 tuần học tập, giảng dạy và hoạt động đào tạo theo kế hoạch. Ngoài các học kỳ chính, Học viện có thể tổ chức thêm học kỳ phụ. Kế hoạch học kỳ phải được xây dựng và công bố tới các đơn vị, giảng viên, sinh viên trong toàn Học viện tối thiểu trước 04 tuần bắt đầu ngày học chính thức.

3. Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc từ xa), lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khóa học, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo. Thời gian giảng dạy, học tập và thi cụ thể của từng học kỳ do Giám đốc quy định.

4. Thời khóa biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khóa học, hình thức và chương trình đào tạo. Thời khóa biểu của các lớp học phần được bố trí đều trong các buổi trong tuần của học kỳ.

Điều 8. Tổ chức đăng ký lớp học

1. Học kỳ đầu tiên của khóa học, Học viện bố trí sinh viên vào các lớp tín chỉ theo kế hoạch đào tạo, không tổ chức cho sinh viên đăng ký tín chỉ.

2. Các học kỳ tiếp theo, sinh viên đăng ký học tập theo thời khóa biểu dự kiến. Thời gian đăng ký học theo thông báo của Học viện muộn nhất là 01 tháng trước thời điểm bắt đầu học kỳ.

3. Sinh viên phải tự đăng ký lớp của các học phần dự định sẽ học trong học kỳ (bằng tài khoản cá nhân qua Cổng thông tin sinh viên, bằng phiếu đăng ký hoặc kết hợp cả 2 hình thức này), gồm: những học phần mới, một số học phần chưa đạt (để học lại) và một số học phần đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có) căn cứ danh sách học phần được mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần.

4. Khối lượng tín chỉ của sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a. Từ 12 - 24 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ đầu, học kỳ cuối khóa học và không kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh.

b. Trong một học kỳ, sinh viên không đăng ký tín chỉ sẽ bị kỷ luật ở mức cảnh cáo, hai học kỳ liên tiếp sinh viên không đăng ký tín chỉ sẽ bị buộc thôi học.

5. Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ và với một trong các trường hợp sau:

a. Không có lớp học phần mà sinh viên cần đăng ký học (do lớp học phần không đủ số sinh viên đăng ký tối thiểu để mở lớp hoặc do Học viện không mở lớp học phần này trong học kỳ);

b. Tổng số tín chỉ chưa tích lũy của sinh viên ít hơn khối lượng học tập tối thiểu.

6. Sinh viên phải đăng ký tối thiểu 16 tín chỉ trong một học kỳ (trừ học kỳ đầu, học kỳ cuối khóa học và không kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh), không bị điểm F bất kỳ học phần nào mới được xếp vào diện được xét cấp học bổng.

7. Sinh viên có nhu cầu học để được cấp chứng chỉ riêng cho một hoặc nhiều học phần nằm ngoài chương trình đào tạo đang học có thể đăng ký vào lớp học phần theo quy định.

8. Trong thời gian thực hiện khóa luận, tác phẩm tốt nghiệp, sinh viên vẫn có thể đăng ký thêm các học phần khác sao cho tổng số tín chỉ tối đa không vượt quá tổng số tín chỉ cho phép trong học kỳ và được giảng viên hướng dẫn cho phép.

9. Ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng chỉ nhận đăng ký học tập của sinh viên ở mỗi kỳ học sau khi sinh viên đăng ký học tập trên cổng thông tin, được

cố vấn học tập phê duyệt. Khối lượng đăng ký học tập theo từng kỳ của từng sinh viên phải được cố vấn học tập lưu trữ. Trên cơ sở khối lượng đăng ký học tập đã phê duyệt, cố vấn học tập tổng hợp và nộp cho Ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 9. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện trong 02 tuần kể từ ngày kết thúc đợt đăng ký tín chỉ. Ngoài thời hạn quy định, nếu sinh viên không đi học được xem như tự ý bỏ học, sinh viên phải nhận điểm F và phải nộp 100% học phí của học phần.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

- Sinh viên phải tự viết đơn (theo mẫu) nộp tại Ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng;

- Được cố vấn học tập chấp thuận hoặc theo quy định của Giám đốc Học viện;

- Không vi phạm khoản 4 Điều 8 của Quy định này.

Điều 10. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Tổ chức lớp học

a. Sinh viên trúng tuyển, nhập học theo Quy chế tuyển sinh đại học được xếp vào học theo ngành, chương trình đào tạo đã đăng ký và trúng tuyển;

b. Lớp học được tổ chức theo hai loại:

- Lớp hành chính là lớp được tổ chức cho sinh viên cùng ngành hoặc cùng chương trình đào tạo. Mỗi lớp hành chính có 01 lớp trưởng, 02 lớp phó, 01 Bí thư, 01 phó Bí thư Đoàn, 03 ủy viên BCH Chi đoàn được Khoa/Viện chỉ định hoặc do tập thể lớp sinh viên bầu chọn.

- Lớp học phần là lớp được tổ chức cho sinh viên đăng ký học cùng một học phần theo thời khóa biểu học kỳ. Số lượng tối thiểu của mỗi lớp học phần là 40 sinh viên, nếu số sinh viên đăng ký dưới mức tối thiểu thì lớp học phần sẽ bị hủy (*trường hợp đặc biệt do Giám đốc Học viện quyết định*).

2. Thời khóa biểu và phân công giảng dạy

a. Theo Kế hoạch đào tạo năm học, Ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng xây dựng thời khóa biểu từng học kỳ, Khoa/Viện tổ chức phân công giảng viên giảng dạy các lớp học phần theo thời khóa biểu;

b. Trong buổi học đầu tiên của học kỳ, của mỗi học phần, giảng viên giảng dạy học phần đó phân công 01 lớp trưởng và ít nhất 01 lớp phó để giúp giảng viên quản lý lớp học phần đó đối với lớp tín chỉ không trùng với lớp hành chính.

c. Trong buổi học đầu tiên của học kỳ, của mỗi học phần, giảng viên giảng dạy giới thiệu đề cương chi tiết học phần và các quy định khác liên quan đến học phần.

3. Phương pháp dạy và học

a. Phương pháp dạy và học được phản ánh trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Dạy và học lý thuyết, thảo luận, thực hành, tự học và các hoạt động khác được áp dụng phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất và đặc thù học phần, trong đó:

b. Số lượng sinh viên cho mỗi lớp học lý thuyết từ 40 - 200 sinh viên tùy theo từng loại học phần.

c. Số lượng sinh viên cho mỗi lớp thảo luận, thực hành/thực tập từ 40 - 75 sinh viên.

4. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền lợi của giảng viên giảng dạy các chương trình đại học được thực hiện theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện hành.

5. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền lợi của cố vấn học tập được thực hiện theo Quy định về công tác cố vấn học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 2559/QĐ-HVBCTT-ĐT, ngày 20 tháng 07 năm 2026 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định về Công tác Cố vấn học tập, Hướng dẫn số 4082/HD-HVBCTT-ĐT ngày 08/11/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về Phụ cấp trách nhiệm đối với cố vấn học tập và cán bộ phục vụ đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 11. Đánh giá và tính điểm học phần

1. Đánh giá học phần

a. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua 03 (ba) điểm thành phần, đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có 02 (hai) điểm đánh giá. Đối với học phần khóa luận/sản phẩm tốt nghiệp có thể chỉ có 01 điểm đánh giá. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

b. Hình thức đánh giá: trực tiếp với trọng số như sau:

- Điểm đánh giá ý thức học tập: 0,20;

- Điểm kiểm tra giữa học phần: 0,30;
- Điểm thi kết thúc học phần: 0,50.

c. Hình thức đánh giá kết quả học theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần. Việc tổ chức bảo vệ và đánh giá tác phẩm, khóa luận được thực hiện từ xa với trọng số cao hơn khi đáp ứng các quy định trong đánh giá khóa luận của Học viện và đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;
- Hình thức bảo vệ và đánh giá từ xa được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và sinh viên;
- Diễn biến của buổi bảo vệ từ xa được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

d. Giảng viên phụ trách học phần lấy Danh sách sinh viên theo học phần trên phần mềm quản lý đào tạo, quản lý, theo dõi và trực tiếp chấm điểm đánh giá ý thức học tập, ra đề và chấm bài kiểm tra giữa học phần, công khai điểm với lớp trước khi kết thúc học phần.

đ. Giảng viên cập nhật điểm đánh giá ý thức học tập; điểm kiểm tra giữa học phần trong vòng 3 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy học phần theo Thời khóa biểu đã ban hành.

2. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0 (không). Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

3. Cách tính điểm thành phần và điểm học phần

a. Điểm thành phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, chấm theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5.

b. Điểm học phần làm tròn đến hàng phần trăm, sau đó được chuyển thành điểm chữ và chuyển sang thang điểm 4, như sau:

- Loại đạt

TT	Thang điểm 10	Thang điểm 4	Thang điểm chữ
1	Từ 8,5 đến 10	4,0	A
2	Từ 7,0 đến 8,49	3,0	B
3	Từ 5,50 đến 6,99	2,0	C
4	Từ 4,0 đến 5,49	1,0	D

- Loại đạt không phân mức (ký hiệu điểm P): điểm học phần từ 5,0 trở lên, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập.

- Loại không đạt: Sinh viên có điểm học phần dưới 4,0 (điểm F theo thang điểm chữ).

- Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

Điều 12. Thi kết thúc học phần, chấm thi

1. Thi kết thúc học phần

Trong mỗi học kỳ, Học viện tổ chức 1 - 2 kỳ thi chính và nếu có điều kiện, tổ chức thêm một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính (có lý do chính đáng) và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính. Ban Quản lý Đào tạo, bồi dưỡng bố trí lịch thi kết thúc học phần, công bố trên trang <http://daotaoajc.edu.vn> 30 ngày trước khi thi.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ, tính từ ngày kết thúc học phần.

3. Thời gian thi của các học phần

a. Thi tự luận: Học phần có khối lượng 1 tín chỉ: 45-60 phút; học phần 2 tín chỉ: 90 phút; học phần 3 tín chỉ: 120 phút; học phần có khối lượng từ 4 tín chỉ trở lên: 150 phút.

b. Thi trắc nghiệm: ít nhất 15 phút/tín chỉ.

c. Hình thức thi vấn đáp: Thời gian chuẩn bị tối đa 15 phút, thời gian trả lời từ 05 - 10 phút.

d. Các môn Ngoại ngữ: thời gian thi viết (bao gồm các kỹ năng nghe, đọc, viết): 120 phút; thời gian thi nói: tối đa 10 phút/sinh viên.

4. Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi:

- Đã nộp đủ học phí theo thông báo;

- Điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra giữa học phần đạt từ 4 điểm trở lên;

- Đáp ứng các yêu cầu cụ thể của học phần (đã được quy định trong Đề cương chi tiết học phần).

- Tham gia hoạt động học tập ít nhất 75% số giờ quy định.

5. Trong một số trường hợp đặc biệt, việc tổ chức thi kết thúc học phần được bố trí xen kẽ trong quá trình triển khai lịch giảng dạy của học kỳ, và phải đảm bảo thời gian ôn thi quy định cho học phần đó, tính từ khi sinh viên hoàn thành buổi học cuối của học phần.

6. Việc ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, thi lại, thực hiện theo Quy chế tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo trình độ đại học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo Quyết định số 1459/QĐ-HVBCTT ngày 08/5/2026.

7. Khiếu nại điểm và xem xét lại kết quả thi học phần

a. Khiếu nại điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra giữa học phần: trong vòng 03 ngày kể từ khi được thông báo điểm, sinh viên khiếu nại điểm với giảng viên giảng dạy, sau thời gian này Học viện không giải quyết khiếu nại điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra giữa học phần.

b. Khiếu nại điểm thi: Thực hiện theo Quy chế tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo trình độ đại học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo Quyết định số 1459/QĐ-HVBCTT ngày 08/5/2026.

Điều 13. Học lại, học cải thiện điểm

1. Sinh viên không thuộc đối tượng buộc thôi học có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D. Điểm chính thức của học phần dùng để tính điểm trung bình trung tích lũy là điểm cao nhất trong các lần học.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên đã có điểm học phần đạt được đăng ký học lại để cải thiện điểm trung bình tích lũy.

4. Thời gian đăng ký học lại: cùng thời gian quy định đăng ký học phần theo từng học kỳ. Đối với các lớp học tập trung ngoài giờ, học trong học kỳ hè sẽ có thông báo riêng.

5. Sinh viên còn nợ các học phần không còn được tổ chức giảng dạy trong chương trình đào tạo (do thay đổi, điều chỉnh chương trình) hoặc có nhu cầu tổ chức lớp riêng (để hoàn thành chương trình đào tạo do hết thời hạn học tập theo quy định) có thể đăng ký học theo hình thức tự nguyện. Học phí học lớp tự nguyện tùy thuộc vào số lượng sinh viên đăng ký (số tín chỉ x mức học phí hiện tại x 1,2 x 10 sinh viên/số sinh viên đăng ký).

6. Mức học phí tín chỉ đối với học phần đăng ký học lại và học cải thiện điểm gấp 1,2 lần mức học phí tín chỉ hiện hành.

Điều 14. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

1. Cách tính điểm trung bình

a. Để tính điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học và điểm trung bình tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải là quy đổi qua điểm số thang điểm 4 quy định tại Điều 11 của Quy định này;

b. Điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học và điểm trung bình tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến hàng phần trăm:

Trong đó:

A là điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy;

a_i là điểm của học phần thứ i , theo thang điểm 4;

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i ;

n là tổng số học phần.

2. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình chung tích lũy được làm tròn đến hàng phần trăm và quy định như sau:

a) Theo thang điểm 4:

Từ 3,60 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,20 đến 3,59: Giỏi;

Từ 2,50 đến 3,19: Khá;

Từ 2,00 đến 2,49: Trung bình;

Từ 1,00 đến 1,99: Yếu;

Dưới 1,00: Kém.

b) Theo thang điểm 10:

Từ 9,00 đến 10,0: Xuất sắc;

Từ 8,00 đến 8,99: Giỏi;

Từ 7,00 đến 7,99: Khá;

Từ 5,00 đến 6,99: Trung bình;

Từ 4,00 đến 4,99: Yếu;

Dưới 4,00: Kém.

3. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

a) Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;

- b) Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;
- c) Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$;
- d) Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$;
- đ) Trình độ năm thứ năm: $4M \leq N < 5M$;
- e) Trình độ năm thứ sáu: $5M \leq N < 6M$.

Căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy trong chương trình đào tạo 130 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng và an ninh), sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

a) Sinh viên năm thứ nhất	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 33 tín chỉ;
b) Sinh viên năm thứ hai	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 33 tín chỉ đến dưới 66 tín chỉ;
c) Sinh viên năm thứ ba	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 66 tín chỉ đến dưới 99 tín chỉ;
d) Sinh viên năm thứ tư	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 99 tín chỉ trở lên.

4. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 15. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ

1. Cuối năm học, sinh viên được cảnh báo học tập nếu thuộc vào một trong các trường hợp sau:

- a. Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24 tín chỉ;
- b. Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo;
- c. Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba hoặc dưới 1,8 đối với sinh viên các năm tiếp theo.

2. Sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc vào một trong các trường hợp sau:

- a. Số lần cảnh báo học tập vượt quá 02 lần liên tiếp hoặc vượt quá 03 lần không liên tiếp;
- b. Hai học kỳ liên tiếp không đăng ký tín chỉ.
- c. Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Học viện Quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy định này.

3. Học viện thông báo danh sách sinh viên bị buộc thôi học trên Cổng thông tin điện tử của Học viện, Khoa/Viện quản lý sinh viên thông báo cho sinh viên và gửi về gia đình sinh viên hoặc địa phương cư trú (nếu có địa chỉ).

4. Trong vòng 01 (một) tháng kể từ khi có quyết định thôi học, sinh viên được phép chuyển sang học hình thức đào tạo thường xuyên của Học viện, nếu còn trong thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến và được bảo lưu, công nhận kết quả học tập đã tích lũy đối với hình thức chuyển đến theo quy định.

Điều 16. Chứng chỉ giáo dục đại học, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả tích lũy của sinh viên được sử dụng làm căn cứ công nhận, chuyển đổi kết quả học tập trong cùng cơ sở đào tạo hoặc khi chuyển chương trình đào tạo, chuyển ngành, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức học theo quy định của cơ sở đào tạo. Học viện xác nhận, cấp chứng chỉ giáo dục đại học cho kết quả học tập đã tích lũy của sinh viên khi hoàn thành học phần hoặc một phần của chương trình đào tạo.

2. Chứng chỉ giáo dục đại học có thời hạn giá trị tối đa không vượt quá tổng thời gian đào tạo kể từ ngày được thi kết thúc học phần hoặc công nhận chứng chỉ.

3. Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được Học viện xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.

4. Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của Học viện xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình.

5. Sinh viên có chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học thuộc danh sách hoặc danh mục chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đáp ứng chuẩn đầu ra theo chương trình đào tạo, nộp chứng chỉ trong 01 năm đầu tiên của khóa học, được xem xét miễn học, miễn thi và chuyển điểm. Trường hợp cần thiết, Giám đốc Học viện sẽ thành lập Hội đồng thẩm định trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định.

6. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo (không tính khối lượng học tập các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất và Ngoại ngữ).

Điều 17. Thực tế kinh tế - xã hội, thực tế chính trị - xã hội, kiến tập, thực tập tốt nghiệp

1. Thực tế kinh tế - xã hội, thực tế chính trị - xã hội: được tổ chức muộn nhất là vào học kỳ 2 của năm thứ hai, Khoa/Viện đào tạo tổ chức cho sinh viên tìm hiểu thực tế tại địa phương, cơ sở, trải nghiệm hoạt động nghề nghiệp, vị trí việc làm của ngành, chương trình đào tạo.

2. Kiến tập: giữa khóa học, muộn nhất vào năm thứ ba, Khoa/Viện đào tạo tổ chức cho sinh viên kiến tập về các hoạt động chuyên môn của ngành, chương trình đào tạo.

3. Thực tập tốt nghiệp: sinh viên đạt tích lũy từ 70% tổng khối lượng tín chỉ của chương trình đào tạo được đăng ký thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận/tác phẩm tốt nghiệp. Thời gian thực tập tối thiểu là 08 tuần.

4. Tổ chức thực hiện

a. Hằng năm, trên cơ sở kế hoạch chung của Học viện, Trường Khoa/Viện có trách nhiệm tổ chức các công tác trải nghiệm thực tế, kiến tập, cụ thể hóa yêu cầu thực tập và làm khóa luận/tác phẩm tốt nghiệp phù hợp với đặc điểm ngành, chương trình đào tạo của đơn vị. Kế hoạch trải nghiệm thực tế, kiến tập, thực tập do Khoa/Viện xây dựng và đề xuất trước khi có dự thảo lịch cho học kỳ tiếp theo.

b. Trường Khoa/Viện có trách nhiệm tổ chức phân công giảng viên hướng dẫn sinh viên thực tế, kiến tập, thực tập và làm khóa luận/tác phẩm tốt nghiệp theo quy định.

5. Đánh giá điểm thực tế, kiến tập, thực tập như sau:

a. Đánh giá điểm thực tế kinh tế - xã hội và thực tế chính trị - xã hội

- Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia trong đợt thực tế 30% (điểm này do giảng viên hướng dẫn chấm). Kết quả đánh giá này được gọi là H4.

- Điểm chấm bài thu hoạch, tác phẩm, sản phẩm khi sinh viên đi thực tế 70% (điểm này do Khoa/Viện chuyên môn chấm). Kết quả này gọi là H5

Khoa chủ quản tổng hợp thành điểm học phần theo công thức sau:

$$\text{Điểm học phần} = 0.3 \cdot H4 + 0.7 \cdot H5$$

b. Đánh giá điểm kiến tập, thực tập

- Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia trong đợt kiến tập, thực tập 20% (điểm này do giảng viên hướng dẫn chấm).

- Điểm nhận xét đánh giá về quá trình kiến tập, thực tập 30% (điểm này do cơ sở sinh viên đến thực tế, kiến tập, thực tập chấm).

- Điểm chấm bài thu hoạch, tác phẩm, sản phẩm khi sinh viên đi kiến tập, thực tập 50% (điểm này do Khoa/Viện chuyên môn chấm).

Điều 18. Làm khóa luận, tác phẩm tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế

1. Làm khóa luận, tác phẩm tốt nghiệp

a. Tiêu chuẩn làm khóa luận, tác phẩm tốt nghiệp (sau đây gọi chung là khóa luận):

- Sinh viên hệ chính quy trình độ đại học không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên trong quá trình học tập;

- Sinh viên đã tích lũy ít nhất được 70% số tín chỉ (không tính tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh);

b. Điểm trung bình chung tích lũy của sinh viên đạt 2,50 trở lên.

Tỷ lệ sinh viên làm khóa luận không vượt quá 40% tổng số sinh viên mỗi lớp đối với hệ đào tạo văn bằng thứ nhất và không quá 50% tổng số sinh viên đối với hệ đào tạo văn bằng thứ hai. Sinh viên Lào được đăng ký hình thức tốt nghiệp theo nguyện vọng.

c. Riêng đối với hình thức làm tác phẩm tốt nghiệp, các khoa phải có văn bản đề nghị Giám đốc Học viện duyệt trước khi cho sinh viên đăng ký.

d. Danh sách sinh viên được làm khóa luận được thông báo trước ngày 15/5 và 1/12 hằng năm để sinh viên có thể kịp thời gian đăng ký vào các lớp học phần của học kỳ tiếp theo của khóa học.

e. Khóa luận/tác phẩm tốt nghiệp có khối lượng tối thiểu 6 tín chỉ. Thời gian thực hiện đề tài khóa luận từ 4 - 6 tháng.

2. Học và thi một số học phần thay thế khóa luận: sinh viên không đủ tiêu chuẩn làm khóa luận phải đăng ký học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp được quy định trong chương trình khung đào tạo của ngành/chuyên ngành.

3. Làm và đánh giá khóa luận, tác phẩm tốt nghiệp thực hiện theo Quyết định số 86-QĐ/HVBC TT-ĐT ngày 06/01/2025 về việc ban hành Quy định việc thực hiện và đánh giá khóa luận, tác phẩm tốt nghiệp của sinh viên.

Điều 19. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a. Nộp đầy đủ học phí;

b. Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- c. Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học của chương trình đào tạo;
- d. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- e. Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất;
- g. Tham gia đầy đủ và đạt yêu cầu tuần sinh hoạt công dân;
- h. Có đơn gửi Ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

2. Hằng năm, Học viện tổ chức họp xét tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên hệ chính quy vào 03 (ba) đợt chính: tháng 6, tháng 9, tháng 12. Tùy vào điều kiện cụ thể, Giám đốc Học viện quyết định tăng hay giảm đợt. Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Hội đồng xét tốt nghiệp Học viện do Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Học viện được Giám đốc ủy quyền làm Chủ tịch, Trưởng ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng làm Ủy viên thường trực và các thành viên là các trưởng khoa/viện chuyên môn và một số phòng ban có liên quan.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Giám đốc Học viện ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp theo Quy chế văn bằng chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân hiện hành trong thời hạn tối đa 01 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp.

4. Sinh viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp nhưng chưa muốn xét tốt nghiệp do cần kéo dài thời gian ở trong trường theo quy định ở khoản 5 Điều 2 có thể viết đơn xin hoãn xét tốt nghiệp (theo mẫu) nộp về Ban Quản lý Đào tạo, bồi dưỡng vào cuối mỗi học kỳ.

5. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học, như sau:

- a. Loại Xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b. Loại Giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c. Loại Khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d. Loại Trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

6. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa được quy định tại khoản 2 Điều 14 của Quy định này, trong đó, hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 10% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b. Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

c. Sinh viên vi phạm các quy định về liên chính học thuật, liên chính khoa học.

7. Sinh viên không tốt nghiệp:

a. Được cấp chứng chỉ giáo dục đại học hoặc bảng điểm các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo;

b. Được xác nhận đã tham gia học tập các học phần trong chương trình đào tạo của Học viện.

8. Sinh viên đại học chính quy hết thời gian học tối đa theo quy định được chuyển qua học hình thức đào tạo thường xuyên của Học viện, nếu còn trong thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến và được bảo lưu, công nhận kết quả học tập đã tích lũy đối với hình thức chuyển đến theo quy định.

Chương IV

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN

Điều 20. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Sinh viên nghỉ học tạm thời làm đơn kèm theo minh chứng gửi Ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng xem xét, trình Giám đốc quyết định.

2. Sinh viên được xin nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau và không tính vào thời gian đào tạo tối đa của chương trình đào tạo:

a. Được điều động vào lực lượng vũ trang;

b. Được điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc gia, quốc tế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

c. Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;

3. Sinh viên xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học vì lý do cá nhân khác (không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này) nếu đã học tối thiểu 01 học kỳ ở Học viện và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân trong trường hợp này sẽ được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này.

4. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại Học viện, phải viết đơn gửi Ban Giám đốc (qua Ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng) ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

5. Sinh viên được xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Những sinh viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác. Sinh viên xin thôi học được bảo lưu và công nhận kết quả học tập đã tích lũy theo quy định.

Điều 21. Tổ chức học, miễn học, tạm hoãn học các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất

1. Việc tổ chức học các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo Công văn số 5268/2026/BGDĐT-GDQPAN ngày 20 tháng 8 năm 2026 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh; quốc phòng, quân sự; phòng, chống khủng bố; phòng thủ dân sự năm học 2026 - 2027 và các quy định hiện hành.

2. Đối tượng được miễn học các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh

a. Đối tượng được miễn học toàn bộ

- Sinh viên có chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do trường đại học, học viện quân đội, công an cấp;
- Sinh viên đã có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh;
- Sinh viên là người nước ngoài;
- Sinh viên đào tạo văn bằng 2.

b. Đối tượng được miễn học, miễn thi các nội dung đã học

Sinh viên chuyển cơ sở đào tạo được miễn học các nội dung đã học nhưng phải có điểm đánh giá kết quả học tập các nội dung tương ứng đạt 5,0 trở lên.

c. Đối tượng được miễn học các học phần thực hành kỹ năng quân sự

- Sinh viên là tu sỹ thuộc các tôn giáo;
- Sinh viên có thương tật, khuyết tật bẩm sinh, bị bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động có giấy chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
- Sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, có giấy xuất ngũ do đơn vị quân đội có thẩm quyền cấp.

3. Đối tượng được miễn học các học phần Giáo dục thể chất

a. Đối tượng được miễn học toàn bộ các học phần

- Sinh viên đã hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất phù hợp với trình độ đào tạo.

- Sinh viên đã có chứng chỉ Giáo dục thể chất.

b. Đối tượng được miễn học các học phần thực hành

Sinh viên có thương tật, dị tật bẩm sinh làm hạn chế chức năng vận động (có giấy chứng nhận của bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên) được miễn học các nội dung thực hành hoặc có thể lựa chọn nội dung đặc thù dành cho người khuyết tật.

4. Đối tượng được tạm hoãn học các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất.

- Sinh viên bị ốm đau, tai nạn, thiên tai, hỏa hoạn. Trường hợp vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị, phải có giấy xác nhận của bệnh viện nơi sinh viên điều trị.

- Nữ sinh viên đang mang thai hoặc trong thời gian nghỉ thai sản theo quy định hiện hành.

Các đối tượng trên nếu được Giám đốc Học viện chấp thuận cho tạm hoãn học thì sau khi hết thời hạn tạm hoãn phải tiếp tục học những nội dung còn thiếu theo quy định.

Điều 22. Chuyển ngành, chuyển nơi học, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức đào tạo

1. Sinh viên được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác, hoặc một phân hiệu khác của cơ sở đào tạo, hoặc từ phân hiệu về trụ sở chính khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a. Sinh viên đã đạt trình độ năm thứ nhất và không là sinh viên năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này;

b. Đạt điều kiện ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình, ngành đào tạo của trụ sở chính hoặc phân hiệu trong cùng khóa tuyển sinh;

c. Đạt yêu cầu các điều kiện bảo đảm chất lượng, số lượng người học không vượt năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định xác định số lượng tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của trưởng khoa/viện phụ trách chương trình, ngành đào tạo, Giám đốc phân hiệu (nơi chuyển đi và chuyển đến) và của Giám đốc Học viện.

2. Sinh viên được xem xét chuyển cơ sở đào tạo khi có đủ các điều kiện sau trừ trường hợp quy định tại khoản 4 của Điều này:

a. Sinh viên đã đạt trình độ năm thứ nhất và không là sinh viên năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này;

b. Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

c. Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo mà sinh viên chuyển đến theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d. Được sự đồng ý của hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

3. Sinh viên được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy sang hình thức đào tạo thường xuyên của Học viện nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến.

4. Sinh viên của phân hiệu hoặc cơ sở đào tạo được sáp nhập, chia tách, giải thể theo quyết định, quy định của cấp có thẩm quyền thực hiện theo quyết định sáp nhập, chia tách, giải thể phân hiệu hoặc cơ sở đào tạo.

Điều 23. Trao đổi sinh viên và hợp tác đào tạo

1. Căn cứ vào quy định về việc công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của tín chỉ, Học viện cho phép sinh viên được học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác và ngược lại (sau đây gọi là trao đổi sinh viên).

2. Nếu được Giám đốc, Hiệu trưởng của hai cơ sở đào tạo đồng ý, sinh viên có thể đăng ký thực hiện học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác với số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo (không bao gồm khối lượng các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh và các học phần Giáo dục thể chất).

3. Trong hợp tác đào tạo giữa Học viện với các cơ sở đào tạo khác, việc đánh giá và công nhận lẫn nhau số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở phối hợp đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo (không bao gồm khối lượng các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh và các học phần Giáo dục thể chất) trừ trường hợp quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 22 của Quy chế này.

4. Điều kiện trao đổi sinh viên, hợp tác đào tạo, việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên khi thực hiện chương trình đào tạo theo quy định của Học viện.

Điều 24. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên có thể đăng ký học thêm các học phần của một chương trình khác, ngành khác khi điều kiện của cơ sở đào tạo cho phép, nhưng chỉ được hưởng các quyền lợi chính thức và được xem xét công nhận tốt nghiệp

chương trình thứ hai khi đã đăng ký thành công học chương trình thứ hai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng 01 trong 02 điều kiện sau đây:

a. Đã tích lũy tối thiểu 25% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo và đạt điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

b. Đã tích lũy tối thiểu 25% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo và đạt điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

3. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo và sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng hai chương trình là thời gian tối đa quy định theo chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng ký muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tuyển chương trình thứ hai.

Điều 25. Học chương trình tích hợp trình độ đại học và trình độ thạc sĩ

1. Sinh viên thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy được phép đăng ký học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cùng nhóm ngành đào tạo khi đạt ít nhất 3/4 khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo trình độ đại học và có điểm trung bình tích lũy đạt khá trở lên.

2. Khối lượng học tập tối đa của học phần trình độ thạc sĩ được sinh viên tích lũy trong giai đoạn cuối của chương trình đào tạo tích hợp đại học và thạc sĩ là 15 tín chỉ.

3. Trong trường hợp sinh viên không tiếp tục hoặc không đủ điều kiện học chương trình thạc sĩ, Học viện sẽ cấp chứng chỉ giáo dục đại học hoặc bảng điểm các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo.

4. Sinh viên đăng ký học vượt chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thực hiện theo Điều 8 của Quy chế này. Các học phần đăng ký học vượt phải bảo đảm yêu cầu tiên quyết (nếu có).

Điều 26. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

1. Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin

1. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm:

Học viện báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về số liệu sinh viên tuyển mới, tốt nghiệp, thôi học và đang học trong năm, dự kiến tốt nghiệp trong năm sau, tốt nghiệp đã có việc làm trong thời gian 12 tháng; phân loại theo đối tượng đầu vào, ngành đào tạo, khóa đào tạo và hình thức đào tạo;

2. Học viện tổ chức lưu trữ, bảo quản an toàn các tài liệu liên quan tới công tác đào tạo theo các quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

a. Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại Học viện.

b. Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo được lưu trữ, bảo quản trong suốt quá trình đào tạo;

c. Việc tiêu hủy tài liệu liên quan tuyển sinh, đào tạo hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Học viện công khai trên Cổng thông tin điện tử chậm nhất 45 ngày trước khi tổ chức đào tạo:

a. Quy định đào tạo và các quy định quản lý đào tạo có liên quan;

b. Quyết định mở ngành và các quyết định tổ chức đào tạo chính quy, thường xuyên, liên kết đào tạo; trong đó ghi rõ tên ngành, hình thức đào tạo, đối tượng, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh, địa điểm đào tạo, cơ sở phối hợp đào tạo và các thông tin khác có liên quan;

c. Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d. Các minh chứng về việc các chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

đ. Thông báo tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh hiện hành;

e. Các minh chứng về việc đáp ứng yêu cầu tối thiểu đối với liên kết đào tạo theo quy định.

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với các khóa học tuyển sinh năm 2026 (Khóa 46) và bắt đầu tổ chức đào tạo từ năm học 2026 - 2027 trở đi.

2. Các chế độ, chính sách đối với sinh viên các khóa trước bảo lưu, học lại cùng các khóa học tuyển sinh năm 2026 thực hiện theo Quy định này.

3. Trưởng Ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, Trưởng các đơn vị có liên quan, sinh viên đại học chính quy, sinh viên đại học thường xuyên và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng để tổng hợp, báo cáo Giám đốc xem xét quyết định.

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Sơn